

Số: /ĐA-UBND

Mao Điền, ngày 18 tháng 8 năm 2026

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập
thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỚC KHI SẮP XẾP

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng là đơn vị hành chính được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trường, Cẩm Đông và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Điền. Sau sáp nhập, xã Mao Điền có diện tích tự nhiên 24,37 km², gồm 11 thôn; 10.777 hộ dân với dân số khoảng 48.331 người. Toàn Đảng bộ có 1.659 đảng viên, sinh hoạt tại 37 chi, đảng bộ. Trên địa bàn xã Mao Điền có 02 khu công nghiệp lớn là Khu công nghiệp (KCN) Tân Trường, KCN Phúc Điền; hiện có khoảng 251 doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh, cùng nhiều làng nghề truyền thống duy trì hoạt động hiệu quả. Việc phân bố dân cư trên địa bàn xã Mao Điền tương đối tập trung, dân số cơ học sẽ tăng mạnh theo từng năm, khoảng cách lưu thông giữa khu dân cư với các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã cũng rất thuận tiện, đặc biệt là tỷ lệ trẻ trong độ tuổi Mầm non (MN) ra lớp và số lượng học sinh Tiểu học (TH) và Trung học cơ sở (THCS) đến trường tương đối ổn định.

Mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; cơ sở vật chất trường học từng bước được quan tâm đầu tư, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được củng cố và nâng cao chất lượng.

Trước khi tiến hành thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới giáo dục, trên địa bàn xã Mao Điền không có trường chất lượng cao hoặc trường phổ thông nhiều cấp học được công nhận trước ngày 30/7/2026. Toàn bộ hệ thống giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân (UBND) xã gồm có 13 trường được phân bổ theo 3 cấp học chính như sau:

- Cấp Mầm non:

+ 04 trường với 07 điểm trường; Tổng số trẻ: 2.205 trẻ; 78 nhóm lớp. Tổng số Cán bộ quản lý (CBQL): 12, Số Giáo viên biên chế hiện có: 139; Nhân viên biên chế: 04.

- Cấp Tiểu học:

+ 05 trường với 06 điểm trường; Tổng số học sinh: 3.712 học sinh; 116 lớp; Tổng số CBQL: 11, Số Giáo viên biên chế hiện có: 147; nhân viên biên chế hiện có: 11.

- Cấp Trung học cơ sở:

+ 04 trường với; Tổng số học sinh: 3.137 học sinh; 77 lớp; Tổng số CBQL: 09; Số Giáo viên biên chế hiện có: 100; nhân viên biên chế hiện có: 12.

II. QUY MÔ TRƯỜNG LỚP; CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CÁC ĐƠN VỊ HIỆN CÓ

1. Các trường Mầm non

STT	UBND xã	TÊN ĐƠN VỊ	CẤP HỌC	Số điểm trường	Tổng diện tích đất (m ²)	Số học sinh	Số lớp	Số CBQL hiện có	Số biên chế giáo viên được giao	Số biên chế giáo viên hiện có	Số biên chế nhân viên được giao	Số biên chế nhân viên hiện có	Ghi chú
	Tổng số												
1	Mao Điền	Cầm Điền	MN	2	13.230	370	13	3	26	17	1	1	
2	Mao Điền	Cầm Phúc	MN	1	13.300	624	22	3	46	36	1	1	
3	Mao Điền	Tân Trường	MN	3	16.748	740	27	3	56	54	2	1	
4	Mao Điền	Cầm Đông	MN	1	10.632	370	17	3	36	32	1	1	

2. Các trường Tiểu học

STT	UBND xã	TÊN ĐƠN VỊ	CẤP HỌC	Số điểm trường	Tổng diện tích đất (m ²)	Số học sinh	Số lớp	Số CBQL hiện có	Số biên chế giáo viên được giao	Số biên chế giáo viên hiện có	Số biên chế nhân viên được giao	Số biên chế nhân viên hiện có	Ghi chú
	Tổng số			6									
1	Mao Điền	Cầm Điền	TH	1	4.287	548	18	1	26	21	3	2	
2	Mao Điền	Cầm Phúc	TH	1	5.213	950	28	3	42	32	3	3	
3	Mao Điền	Tân Trường I	TH	2	13.334	1044	32	3	45	40	4	3	
4	Mao Điền	Tân Trường II	TH	1	5.118	426	15	2	21	19	3	1	
5	Mao Điền	Cầm Đông	TH	1	10.448	781	25	2	36	34	3	2	

3. Các trường THCS

STT	UBND xã	TÊN ĐƠN VỊ	CẤP HỌC	Số điểm trường	Tổng diện tích đất (m ²)	Số học sinh	Số lớp	Số CBQL hiện có	Số biên chế giáo viên được giao	Số biên chế giáo viên hiện có	Số biên chế nhân viên được giao	Số biên chế nhân viên hiện có	Ghi chú
	Tổng số			4									
1	Mao Điền	Cầm Điền	THCS	1	3.156	474	12	2	21	15	3	3	
2	Mao Điền	Cầm Phúc	THCS	1	7.922	820	20	2	33	25	3	3	
3	Mao Điền	Tân Trường	THCS	1	8.372	1255	28	3	45	38	3	3	
4	Mao Điền	Cầm Đông	THCS	1	8.920	674	17	2	28	22	3	3	

Cụ thể:*** KHỐI MẦM NON:**

- Tổng biên chế giao: 182
- + Biên chế hiện có 156 (Trong đó: CBQL: 12; Giáo viên: 140; Nhân viên: 04)
- + Biên chế còn thiếu 26 (Trong đó: Giáo viên: 25 Nhân viên: 01)
- Trình độ chuyên môn:
- + Cán bộ quản lý: 03 Thạc sĩ, 09 đại học;
- + Giáo viên: 0 Thạc sĩ, 118 đại học, 22 cao đẳng
- Trình độ lý luận chính trị:
- + Cán bộ quản lý: 12 Trung cấp;
- + Giáo viên, nhân viên: 08 Trung cấp, 115 Sơ cấp, còn lại chưa qua đào tạo.

*** KHỐI TIỂU HỌC**

- Tổng biên chế giao: 197
- + Biên chế hiện có: 168 (Trong đó: CBQL: 11; Giáo viên: 146; Nhân viên: 11)
- + Biên chế còn thiếu 29 (Trong đó: Giáo viên: 23; Nhân viên: 6)
- Trình độ chuyên môn:
- + Cán bộ quản lý: 2 Thạc sĩ, 09 đại học;
- + Giáo viên: 0 Thạc sĩ, 146 đại học, 0 cao đẳng, 0 trung cấp
- Trình độ lý luận chính trị:
- + Cán bộ quản lý: 11 Trung cấp;
- + Giáo viên, nhân viên: 05 Trung cấp, 125 Sơ cấp, còn lại chưa qua đào tạo.

*** KHỐI THCS**

- Tổng biên chế giao: 148
- + Biên chế hiện có 121 (Trong đó: CBQL: 09; Giáo viên: 100; Nhân viên: 12)
- + Biên chế còn thiếu 27 (Trong đó: Giáo viên: 27; Nhân viên: 0)
- Trình độ chuyên môn:
- + Cán bộ quản lý: 06 Thạc sĩ, 03 đại học;
- + Giáo viên: 04 Thạc sĩ, 97 đại học, 0 cao đẳng, 0 trung cấp
- Trình độ lý luận chính trị:
- + Cán bộ quản lý: 09 Trung cấp;
- + Giáo viên, nhân viên: 09 Trung cấp, 71 Sơ cấp, còn lại chưa qua đào tạo.

4. Về cơ sở vật chất trường học**- Khối Mầm non:**

- + Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ kiên cố: 76, bán kiên cố: 02.

+ Số phòng hỗ trợ (05 phòng giáo dục thể chất, 04 phòng giáo dục nghệ thuật, 03 thư viện, 06 sân chơi); 13 phòng tổ chức ăn (06 nhà bếp, 07 kho bếp);

+ Số phòng hành chính quản trị (04 phòng hiệu trưởng, 06 phòng phó hiệu trưởng, 03 văn phòng, 06 phòng bảo vệ, 07 khu vệ sinh giáo viên, 07 khu để xe giáo viên);

+ Số khối phụ trợ (03 phòng họp, 04 phòng y tế, 04 kho, 05 sân vườn, 07 hàng rào)

- Khối Tiểu học:

+ Số phòng học kiên cố 116, bán kiên cố 0, phòng học nhờ (tạm): 06

+ Số phòng học bộ môn 26 (trong đó phòng 05 phòng Âm nhạc 04 MT, 02 phòng khoa học công nghệ, 0 phòng TN&XH, 07 phòng tin, 08 phòng ngoại ngữ);

+ Khối phòng hỗ trợ học tập (tổng 22 gồm 09 phòng thư viện, 05 phòng thiết bị giáo dục, 05 phòng truyền thống, 03 phòng đội thiếu niên);

+ Khối phòng hành chính quản trị (tổng 23 phòng, gồm 05 phòng hiệu trưởng, 07 phòng phó hiệu trưởng, 05 văn phòng, 06 phòng bảo vệ);

+ Khối phụ trợ (03 phòng họp, 05 phòng các tổ chuyên môn, 04 phòng y tế, 03 kho, 09 khu để xe HS, 14 khu vệ sinh HS, 08 cổng);

+ Khối phục vụ sinh hoạt (02 nhà ăn); Khu sân chơi, thể dục thể thao (03 nhà đa năng, 06 sân chung, 02 sân thể thao, 01 sân bóng, 01 bể bơi).

- Khối THCS:

+ Số phòng học kiên cố 67, bán kiên cố 01, phòng học nhờ (tạm): 0

+ Số phòng học bộ môn 17 (trong đó 02 phòng Âm nhạc, 01 MT, 06 phòng Khoa học tự nhiên, 02 Phòng LS&ĐL, 04 phòng tin, 02 phòng ngoại ngữ);

+ Khối phòng hỗ trợ học tập (tổng 16 gồm 05 phòng thư viện, 04 phòng thiết bị giáo dục, 03 phòng truyền thống, 04 phòng đội thiếu niên);

+ Khối phòng hành chính quản trị (tổng 18 phòng, gồm 04 phòng hiệu trưởng, 05 phòng phó hiệu trưởng, 04 văn phòng, 01 phòng kế toán, 04 phòng bảo vệ);

+ Khối phụ trợ (03 phòng họp, 10 phòng các tổ chuyên môn, 04 phòng y tế, 03 kho, 06 nhà để xe HS, 04 nhà để xe GV, 09 khu vệ sinh HS, 05 cổng);

+ Khối phục vụ sinh hoạt (0 nhà ăn); Khu sân chơi, thể dục thể thao (02 nhà đa năng, 04 sân chung, 02 sân thể thao, 01 sân bóng, 0 bể bơi).

5. Thiết bị dạy học

- **Khối Mầm non:** Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, máy tính, Ti vi, màn hình tương tác, ...

+ Máy tính: 60

- + Ti vi: 86
- + Màn hình tương tác: 01
- + Máy chiếu: 03
- + Mạng internet: 100% các nhóm lớp kết nối mạng Internet

- Khối Tiểu học

Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Hệ thống máy tính, mạng Internet, thiết bị trình chiếu và các phương tiện phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác dạy học

- + Máy tính các phòng ban: 219
- + Thiết bị trình chiếu: 157 (trong đó: 16 máy chiếu; 141 ti vi)

- Khối THCS:

Theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Hệ thống máy tính, mạng Internet, thiết bị trình chiếu và các phương tiện phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác dạy học

- + Máy tính các phòng ban: 160 (thực trạng hư hỏng: 09)
- + Thiết bị trình chiếu: 92 (trong đó: 13 máy chiếu; 79 ti vi)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

- Các trường thuộc UBND xã quản lý có 12/13 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 92,3% và kiểm định chất lượng giáo dục trong đó có 5/12 = 41,66% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng cấp độ 3. Đây là điều kiện thuận lợi để sau sắp xếp, nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn, từng bước tiến tới chuẩn quốc gia mức độ cao hơn.

- Phong trào giáo dục trong những năm qua được khẳng định chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên. Các trường đều phát huy truyền thống của quê hương Văn miếu Mao Điền và nhiều trường có bề dày thành tích đạt các danh hiệu cao Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của tỉnh, Tập thể lao động Xuất sắc như: Mầm non Cẩm Đông, Mầm non Cẩm Phúc, Tiểu học Cẩm Phúc, Tiểu học Cẩm Đông, Tiểu học Tân Trường 1, THCS Cẩm Điền, THCS Tân Trường....

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tỷ lệ 100% đạt và vượt chuẩn. Nhiều giáo viên có kinh nghiệm, đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp xã (huyện), cấp thành phố (tỉnh) (42 người), cấp quốc gia (1 người).

Nhiều giáo viên được tặng danh hiệu thi đua chiến sĩ thi đua cấp thành phố, khen thưởng cấp thành phố và cấp nhà nước (Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen: 08 người). Nguồn nhân lực ổn định, tinh thần trách nhiệm cao, thuận lợi trong việc bố trí, sắp xếp, phát huy năng lực sau sắp xếp.

- Cơ sở vật chất của các nhà trường đều được đầu tư kiên cố, có đầy đủ các hạng mục theo quy định: phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, sân chơi, vườn trường, hệ thống cấp điện - nước, ... tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Các chi bộ Đảng, đoàn thanh niên các trường hoạt động tích cực, là nền tảng chính trị vững chắc, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của nhà trường.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Quy mô cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau sắp xếp tăng lên, khoảng cách địa lý và điểm trường tăng gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành trực tiếp của lãnh đạo quản lý sau sắp xếp; đồng thời khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động tập trung, kiểm tra, sinh hoạt chuyên môn, xử lý tình huống đột xuất.

- Khối lượng hồ sơ, tài sản, trang thiết bị rất lớn; đòi hỏi thời gian, nhân lực và hướng dẫn chi tiết từ cấp trên để đảm bảo thực hiện đúng quy định tài chính, kế toán, quản lý tài sản công.

3. Đánh giá chung

Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền là cần thiết, phù hợp với chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Mặc dù còn một số khó khăn về điểm trường khoảng cách địa lý và quy mô số lớp, học sinh, đội ngũ, nhưng với sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự đồng thuận của đội ngũ giáo viên, việc sắp xếp hoàn toàn khả thi, góp phần tập trung nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã Mao Điền.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Sự cần thiết

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Thành phố Hải Phòng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời triển khai định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, việc rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Mao Điền là yêu cầu cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Hiện nay, trên địa bàn xã có một số trường có quy mô lớp học thấp hơn định hướng tiêu chí của Thành phố đối với mô hình trường học sau sắp xếp; Việc duy trì nhiều đầu mối quản lý đối với các trường có quy mô nhỏ dẫn đến phân tán nguồn lực quản lý, tăng chi phí hành chính, chưa phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất và hạ tầng giáo dục.

Bên cạnh đó, yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải từng bước nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường sử dụng chung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồng thời hình thành các mô hình trường học hiện đại, ổn định và phát triển bền vững.

Việc sắp xếp cũng bảo đảm thực hiện đúng định hướng của Thành phố về giảm đầu mối quản lý hành chính nhưng không giảm số lớp học, không ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh; đồng thời vẫn duy trì đầy đủ các cấp học trên địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trước mắt và lâu dài.

Khoảng cách địa lý giữa các trường trên địa bàn không quá xa nhau. Vẫn đảm bảo các hoạt động của các đơn vị diễn ra bình thường (nếu có điều chuyển nhân sự cho phù hợp).

Chính vì vậy, việc sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã nhằm tinh gọn đầu mối quản lý, nâng cao chất lượng điều hành, tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục là yêu cầu khách quan và cấp thiết.

2. Cơ sở Chính trị và Pháp lý:

***Cơ sở chính trị:**

Đề án được xây dựng trên cơ sở quán triệt đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, xác định mục tiêu xây dựng nền giáo dục hiện đại, chất lượng, công bằng, hội nhập; đổi mới quản trị nhà trường; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026 - 2027. Trong đó yêu cầu đẩy nhanh việc rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và bảo đảm ổn định hoạt động giáo dục sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, Thành ủy Hải Phòng về sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương trình, kế hoạch của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hải Phòng về phát triển giáo dục và đào tạo, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục công lập theo hướng tinh gọn, hiện đại, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng Đề án nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới quản trị giáo dục, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời bảo đảm quyền học tập của người dân, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, tài sản công và các nguồn lực đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Mao Điền trong giai đoạn mới.

***Cơ sở Pháp lý:**

Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Luật giáo dục số 23/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 43/2019/QH14;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong tình hình mới;

Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức;

Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Nghị định 259/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức;

Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ Quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tình giản biên chế;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ.

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn

một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Thông tư 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng;

Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 29/7/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập;

Kế hoạch số 1186/KH-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thành phố Hải Phòng là một trong 15 địa phương thực hiện thí điểm theo Phụ lục số 01 của Kế hoạch);

Công văn số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy mô tối đa số lớp của cơ sở giáo dục;

Văn bản số 8127/VP-VX ngày 03/7/2026 của ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

Văn bản số 8615/VP-VX ngày 14/7/2026 của ủy ban nhân dân thành phố về việc sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Kế hoạch số 306/KH - UBND ngày 07/8/2026 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục Mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 250/KH- UBND ngày 10/8/2026 của UBND xã Mao Điền về việc Triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường chuyên biệt công lập trên địa bàn xã Mao Điền;

Thông báo kết luận số 246/TB-ĐU ngày 13/8/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy xã Mao Điền về việc triển khai đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục Mầm non, TH, THCS trên địa bàn xã Mao Điền;

3. Nguyên tắc sắp xếp

3.1. Nguyên tắc chung

a) Việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt; không thực hiện sắp xếp cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối; trong quá trình thực hiện cần đánh giá, rút kinh nghiệm, hình thành mô hình quản lý, đánh giá tác động đối với các đối tượng liên quan, đề ra giải pháp triển khai giai đoạn tiếp theo chặt chẽ, hiệu quả, tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

b) Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục. Không sắp xếp Mầm non với phổ thông; Ưu tiên tổ chức lại các cơ sở giáo dục cùng cấp, vị trí địa lý gần nhau.

c) Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục. Bảo đảm sau sắp xếp có tối thiểu 01 trường Mầm non, 01 trường phổ thông.

d) Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục.

đ) Bảo đảm tính ổn định, kế thừa, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện linh hoạt, có lộ trình phù hợp thực tiễn địa phương bảo đảm an toàn cho người dạy, người quản lý.

e) Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình thực hiện dựa trên dữ liệu và tác động thực tiễn; kịp thời phát hiện vướng mắc để điều chỉnh phương án, chính sách và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

g) Việc sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, trung học cơ sở của xã phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026 - 2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

3.2. Nguyên tắc cụ thể

a) Bảo đảm sự ổn định: cơ bản giữ nguyên các phân hiệu, điểm trường sau sắp xếp; học sinh đang học ở đâu vẫn học ở đó.

b) Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Không sắp xếp trường Mầm non với trường phổ thông. Định hướng hình thành trường quy mô lớn: mô hình trường một cấp học quy mô lớn (đa cơ sở) điều kiện thực tế từng địa bàn.

d) Xem xét đồng bộ các tiêu chí về khoảng cách địa lý, bán kính phục vụ hợp lý, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí đi lại đối với học sinh; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất và thuận lợi cho công tác quản lý của địa phương.

e) Về định mức số lượng người làm việc (vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ) tại các trường sau sắp xếp thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và chỉ đạo của Thành uỷ, UBND Thành phố¹.

Bảo đảm số phân hiệu thuộc trường phân bố hợp lý. Từng bước đổi mới mô hình quản lý, quản trị trường phổ thông theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý hành chính, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình.

¹ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 259/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức; Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Chỉ tiêu, tiêu chí sắp xếp

1.1. Chỉ tiêu: Giảm ít nhất 30% đầu mỗi đầu mỗi cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học, trung học cơ sở công lập so với thời điểm ngày 01/7/2025.

1.2. Tiêu chí sắp xếp

a) Tiêu chí chung

(1). Sắp xếp theo quy mô lớp học

- Đối với trường mầm non có quy mô từ 15 lớp trở xuống
- Đối với trường Tiểu học có quy mô từ 20 lớp trở xuống
- Đối với trường trung học cơ sở có quy mô từ 23 lớp trở xuống

(2). Trường mới sau sắp xếp (gồm 01 trường chính, có các phân hiệu, điểm trường) có quy mô lớn tiệm cận, đạt hoặc vượt:

- Trường mầm non có quy mô khoảng 30 lớp
- Trường Tiểu học có quy mô khoảng 40 lớp
- Trường trung học cơ sở có quy mô khoảng 45 lớp

Khi sắp xếp căn cứ vào Quy mô trường, lớp, học sinh tại cơ sở dữ liệu ngành giáo dục năm học 2025 - 2026 và Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027 do UBND xã phê duyệt, báo cáo Sở Giáo dục & Đào tạo.

b) Tiêu chí cụ thể

Nhóm tiêu chí về quy hoạch và phát triển lâu dài: Bảo đảm các điểm trường, phân hiệu của trường đa cơ sở nằm trong phạm vi bán kính phục vụ hợp lý, có quỹ đất dự phòng để mở rộng quy mô phòng học khi dân số cơ học gia tăng, phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng của Quy hoạch thành phố và của địa phương.

Nhóm tiêu chí về tiếp cận giáo dục và chất lượng phục vụ: Khoảng cách di chuyển lớn nhất từ nhà của học sinh đến phân hiệu gần nhất không vượt quá 2,5 km đối với mầm non, Tiểu học và không quá 3,5 km đối với THCS, bảo đảm an toàn giao thông và thuận tiện cho học sinh tự đến trường.

Nhóm tiêu chí về hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực: Tăng tỷ lệ biên chế giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp giảm tỷ lệ nhân sự quản lý và hỗ trợ hành chính, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Phương án cụ thể:

2.1.1. Cấp Mầm non

*** Trường thứ Nhất: Mầm non Cẩm Phúc**

- Sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp các trường: Mầm non Cẩm Điền và Mầm non Cẩm Phúc.

- Loại hình trường: Trường đa cơ sở.
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 26.530 m².
- Trường chính: 01
- Số phân hiệu: 01
- Số điểm trường: 01
- Số lượng người làm việc:
 - + Số CBQL hiện có: 6.
 - + Số biên chế giáo viên: 72 được giao/53 hiện có.
 - + Số biên chế nhân viên: 02 được giao/02 hiện có.
 - + Số lao động hợp đồng theo biên chế Nghị định số 111: 20 người .
 - + Quy mô hiện tại: 35 lớp/994 học sinh.
 - + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 998 học sinh.
- Cụ thể tại các cơ sở:
 - + Cơ sở Cẩm Phúc: 22 lớp, 624 học sinh.
 - + Cơ sở Cẩm Điền: 13 lớp, 370 học sinh.
- * Về trụ sở:
 - Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền
 - Phân hiệu: Thôn Hoàng Hòa, xã Mao Điền
 - Điểm trường 1: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền
- * Về nhân sự CBQL:
 - Số CBQL hiện có: 06 CBQL (02 HT và 04 PHT);
 - Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng);

Giảm 03 CBQL;

- * Về nhân viên dùng chung:
 - Số nhân viên hiện có: 02 (02 kế toán)
 - Sau sắp xếp cần có: 02 (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư); Giảm 0.

2.1.2. Cấp Tiểu học

a) Trường thứ Nhất: Trường Tiểu học Cẩm Phúc

- Sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp các trường: Tiểu học Cẩm Điền và Tiểu học Cẩm Phúc.

- Loại hình trường: Trường đa cơ sở.
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 9500 m².

- Trường chính: 01
- Số phân hiệu: 01
- Số lượng người làm việc:
- + Số CBQL hiện có: 04.
- + Số biên chế giáo viên: 68 được giao/53 hiện có.
- + Số biên chế nhân viên: 06 được giao/05 hiện có.
- + Số lao động hợp đồng theo biên chế và Nghị định số 111: 10 người.
- + Quy mô hiện tại: 46 lớp/1498 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1514 học sinh.
- Cụ thể tại các cơ sở:
- + Cơ sở Cẩm Điền: 18 lớp, 548 học sinh.
- + Cơ sở Cẩm Phúc: 28 lớp, 950 học sinh.

*** Về trụ sở:**

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền
- Phân hiệu: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền

*** Về nhân sự CBQL:**

- Số CBQL hiện có: 04 CBQL (02 HT và 02 PHT);
- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng);

Giảm 01 CBQL;

*** Về nhân viên dùng chung:**

- Số nhân viên hiện có: 05 (02 kế toán, 01 văn thư, 02 thư viện thiết bị), nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111: 02 (02 nhân viên y tế).
- Sau sắp xếp cần có: 05 (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên tư vấn học sinh, 02 nhân viên thư viện, thiết bị); 02 nhân viên y tế học đường (hợp đồng) Giảm 0.

b) Trường thứ Hai: Trường Tiểu học Tân Trường

- Sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp các trường: Tiểu học Tân Trường I và Tiểu học Tân Trường II.

- Loại hình trường: Trường đa cơ sở.
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 18.452m².
- Trường chính: 01
- Số phân hiệu: 01
- Số điểm trường: 01
- Số lượng người làm việc:
- + Số CBQL hiện có: 5.

- + Số biên chế giáo viên: 66 được giao/59 hiện có.
- + Số biên chế nhân viên: 07 được giao/04 hiện có.
- + Số lao động hợp đồng theo biên chế, Nghị định số 111: 09 người.
- + Quy mô hiện tại: 47 lớp /1470 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1468 học sinh.
- Cụ thể tại các cơ sở:
- + Cơ sở Tân Trường I: 32 lớp, 1044 học sinh.
- + Cơ sở Tân Trường II: 15 lớp, 426 học sinh.
- * Về trụ sở:
- Trụ sở trung tâm: Thôn Tràng Kỹ, xã Mao Điền
- Phân hiệu: Thôn Quý Dương, xã Mao Điền
- Điểm trường: Thôn Tân Trường, xã Mao Điền
- * Về nhân sự CBQL:
- Số CBQL hiện có: 05 CBQL (02 HT và 03 PHT);
- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng);

Giảm 02 CBQL;

- * Về nhân viên dùng chung:
- Số nhân viên hiện có: 04 (01 kế toán, 01 văn thư, 01 thư viện thiết bị, 01 y tế), hợp đồng theo Nghị định 111: 01 (nhân viên y tế), 01 nhân viên tư vấn học sinh.
- Sau sắp xếp cần có: 06 nhân viên, biên chế 04 (01 kế toán, 01 văn thư, 01 y tế, 01 thư viện thiết bị) hợp đồng 02 nhân viên (01 y tế, 01 tư vấn học sinh); Giảm 0.

2.1.3. Cấp THCS

a) Trường thứ Nhất: Trường THCS Tân Trường

- Sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp các trường: THCS Tân Trường và THCS Cẩm Đông.
- Loại hình trường: Trường đa cơ sở.
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 17.292 m².
- Trường chính: 01
- Số phân hiệu: 01
- Số lượng người làm việc:
- + Số CBQL hiện có: 5.
- + Số biên chế giáo viên: 73 được giao/60 hiện có.
- + Số biên chế nhân viên: 06 được giao/06 hiện có.
- + Số lao động hợp đồng theo biên chế, Nghị định số 111: 09 người
- + Quy mô hiện tại: 45 lớp/1929 học sinh.

+ Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1861 học sinh.

- Cụ thể tại các cơ sở:

+ Cơ sở Tân Trường: 28 lớp, 1255 học sinh.

+ Cơ sở Cẩm Đông: 17 lớp, 674 học sinh.

* Về trụ sở:

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Trảng Kĩ, xã Mao Điền

- Phân hiệu: Thôn Đông Phong, xã Mao Điền

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 05 CBQL (02 HT và 03 PHT);

- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng);

Giảm 02 CBQL;

* Về nhân viên dùng chung:

- Số nhân viên hiện có: 06 (02 kế toán, 02 văn thư, 02 thư viện thiết bị)

- Sau sắp xếp cần có: 06 nhân viên (01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 02 thư viện thiết bị, 01 nhân viên giáo vụ); Giảm 0.

b) Trường thứ Hai: Trường THCS Cẩm Điền

- Sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở sắp xếp các trường: THCS Cẩm Phúc và THCS Cẩm Điền.

- Loại hình trường: Trường đa cơ sở.

- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 11.078 m².

- Trường chính: 01

- Số phân hiệu: 01

- Số lượng người làm việc:

+ Số CBQL hiện có: 5.

+ Số biên chế giáo viên: 54 được giao /40 hiện có.

+ Số biên chế nhân viên: 06 được giao /06 hiện có.

+ Số lao động hợp đồng theo biên chế, Nghị định số 111: 09 người

+ Quy mô hiện tại: 32 lớp /1294 học sinh.

+ Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1257 học sinh.

- Cụ thể tại các cơ sở:

+ Cơ sở Cẩm Phúc: 20 lớp, 820 học sinh.

+ Cơ sở Cẩm Điền: 12 lớp, 474 học sinh.

* Về trụ sở:

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền

- Phân hiệu: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 04 CBQL (02 HT và 02 PHT);
- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng);

Giảm 01 CBQL;

* Về nhân viên dùng chung:

- Số nhân viên hiện có: 06 (02 kế toán, 02 văn thư, 02 thư viện thiết bị)
- Sau sắp xếp cần có: 06 nhân viên (01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 02 thư viện thiết bị, 01 nhân viên giáo vụ); Giảm 0.

2.2. Các cơ sở giáo dục không thực hiện sắp xếp.

2.2.1. Cấp Mầm non

a) Trường thứ Nhất: Mầm non Tân Trường

- Giữ nguyên không sắp xếp. (Quy mô 27 lớp lớn hơn 15 lớp).
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 16.748 m².
- Trường chính: 01
- Số điểm trường: 02
- Số lượng người làm việc:
- + Số CBQL hiện có: 03.
- + Số biên chế giáo viên: 56 được giao/54 hiện có.
- + Số biên chế nhân viên: 02 được giao /01 hiện có.
- + Số lao động hợp đồng theo biên chế và Nghị định số 111: 05 người.
- + Quy mô hiện tại: 27 lớp/740 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 770 học sinh.

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 03 CBQL (01 HT và 02 PHT);

b) Trường thứ Hai: Mầm non Cẩm Đông

- Giữ nguyên không sắp xếp. (Quy mô: 17 lớp lớn hơn 15 lớp)
- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 13.230 m².
- Trường chính: 01.
- Số lượng người làm việc:
- + Số CBQL hiện có: 03.
- + Số biên chế giáo viên: 36 được giao /32 hiện có.
- + Số biên chế nhân viên: 01 được giao /01 hiện có.
- + Số lao động hợp đồng theo biên chế, Nghị định số 111: 04 người.
- + Quy mô hiện tại: 17 lớp /470 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 475 học sinh.

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 03 CBQL (01 HT và 02 PHT);

2.2.2. Cấp Tiểu học: Tiểu học Cẩm Đông

- Giữ nguyên không sắp xếp: (Quy mô: 25 lớp lớn hơn 20 lớp)

- Tổng diện tích đất (m²) của toàn trường: 10.448 m².

- Trường chính: 01

- Số lượng người làm việc:

+ Số CBQL hiện có: 02.

+ Số biên chế giáo viên: 36 được giao /34 hiện có.

+ Số biên chế nhân viên: 03 được giao /02 hiện có.

+ Số lao động hợp đồng theo biên chế, Nghị định số 111: 02 người.

+ Quy mô hiện tại: 25 lớp/781 học sinh.

+ Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 774 học sinh.

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 02 CBQL (01 HT và 01 PHT);

2.3. Kết quả sắp xếp:

- Tổng số trường trước sắp xếp, tổ chức lại: 13.

- Tổng số trường giữ nguyên (do đáp ứng quy mô): 03.

- Tổng số trường sau khi sắp xếp, tổ chức lại: 08 (số trường giảm: 05; tỉ lệ giảm 38,5%).

* Về nhân sự CBQL:

- Số CBQL hiện có: 32 CBQL (13 HT và 19 PHT);

- Sau sắp xếp cần có: Cần 23 CBQL (08 Hiệu trưởng và 15 Phó hiệu trưởng); Giảm 09 CBQL.

* Về nhân viên dùng chung:

- Số nhân viên hiện có 33 gồm: biên chế 28 (12 kế toán, 06 văn thư, 09 thư viện thiết bị, 01 y tế) và 05 hợp đồng theo Nghị định 111 (03 nhân viên y tế, 01 nhân viên tư vấn học sinh, 01 nhân viên kế toán).

- Sau sắp xếp cần có: 32 nhân viên (08 kế toán, 05 văn thư, 05 y tế, 09 thư viện thiết bị, 02 thủ quỹ, 02 giáo vụ, 02 nhân viên tư vấn học sinh); Giảm: 0.

3. Nguyên tắc, phương án, quy trình sắp xếp nhân sự

3.1. Về nguyên tắc

- Việc sắp xếp, bố trí nhân sự phải bảo đảm tính kế thừa, ổn định tổ chức, hạn chế tối đa việc xáo trộn đội ngũ; đồng thời bảo đảm sử dụng hiệu quả biên chế được giao,

phát huy năng lực, sở trường của viên chức và đáp ứng yêu cầu quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

- Ban Thường vụ Đảng ủy xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về công tác bố trí sắp xếp đội ngũ và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ (gồm cán bộ quản lý, viên chức giáo viên, nhân viên và hợp đồng lao động trong trường học).

- Chỉ thực hiện sắp xếp, bố trí đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân sự hỗ trợ giáo dục; đối với giáo viên, cơ bản giữ ổn định để bảo đảm công tác giảng dạy.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bổ nhiệm phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng, Chính phủ, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy Hải Phòng, UBND Thành phố và các quy định khác có liên quan (nếu có).

- Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thời gian công tác thực hiện theo khoản b. Mục 7 Điều 29 của Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

- Không thực hiện bổ nhiệm Hiệu trưởng từ nguồn Phó Hiệu trưởng trong giai đoạn thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục.

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và chế độ chính sách đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

3.2. Về phương án

3.2.1. Phương án bố trí nhân sự

a) Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Về số lượng:

- + Hiệu trưởng: Mỗi cơ sở giáo dục có 01 hiệu trưởng

- + Phó Hiệu trưởng: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.

- Về điều kiện, tiêu chuẩn:

- + Bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành, thành phố và quy định về công tác cán bộ của địa phương.

- + Yếu tố ưu tiên:

- (1) Phẩm chất đạo đức, có uy tín, trách nhiệm, tâm huyết với công việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và khả năng quy tụ tập thể;

- (2) Năng lực lãnh đạo, quản lý;

- (3) Trình độ chuyên môn, trình độ quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô phát triển của trường học sau sắp xếp;

- (4) Độ tuổi phù hợp với cơ cấu;

- (5) Quy hoạch chức vụ cao hơn;
- (6) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất.

*** Lưu ý**

- Nhân sự hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được xem xét, lựa chọn trong số các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đương nhiệm của các trường trong phương án sắp xếp với nhau của toàn xã.

- Trường hợp các hiệu trưởng đương nhiệm trong xã đều không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm hoặc chủ động xin thôi giữ chức vụ hoặc có nguyện vọng chuyển công tác khác, nghỉ hưu mà các trường học không có nhân sự tại chỗ đáp ứng điều kiện để bổ nhiệm, UBND xã xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy để báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét phương án điều động, tiếp nhận nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Không áp dụng quy định về thời gian đủ 01 nhiệm kỳ để xem xét bổ nhiệm chức vụ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng sau sắp xếp (Theo khoản b, mục 7 Điều 29 Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026).

b) Đối với giáo viên:

Giữ nguyên trạng, bảo đảm ổn định tư tưởng. Việc bố trí, phân công giáo viên phù hợp với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, cơ cấu môn học và yêu cầu tổ chức dạy học của cơ sở giáo dục sau sắp xếp. Để bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ, đủ định mức giờ dạy, giáo viên được điều phối, phân công giảng dạy giữa trường chính và các phân hiệu, điểm trường.

Đối với các cơ sở giáo dục căn cứ Luật Lao động để thực hiện các thủ tục theo quy định đối với lao động hợp đồng khi sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị; rà soát quy mô, cơ cấu trường mới sau sắp xếp để xác định nhu cầu và ký hợp đồng lao động đối với các trường hợp đáp ứng vị trí việc làm và định mức quy định.

c) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục

Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục được bố trí như sau:

- Các vị trí kế toán, văn thư, thủ quỹ được bố trí dùng chung cho cơ sở giáo dục (bao gồm trường chính, phân hiệu, điểm trường), mỗi vị trí được bố trí 01 người. Đối với vị trí kế toán, trường hợp thuộc loại hình trường có học sinh bán trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

- Các vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm, thư viện, giáo vụ, tư vấn học sinh, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, công nghệ thông tin (hoặc quản trị công sở), y tế trường học được bố trí riêng cho trường chính và mỗi phân hiệu. Mỗi vị trí việc làm quy định tại điểm này được bố trí 01 người.

- Ủy ban nhân dân xã quyết định bố trí số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định tại điểm này; trường hợp cần thiết, căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, quyết định việc bố trí một người đảm nhận một hoặc nhiều vị trí việc làm phù hợp năng lực, chuyên môn, yêu cầu nhiệm vụ và không vượt quá số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

3.2.2. Phương án bố trí nhân sự còn lại sau sắp xếp

(1) Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp được bố trí như sau:

- Đối với hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ quản lý cấp dưới liền kề nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

Cụ thể: 04 hiệu trưởng sắp xếp xuống phó hiệu trưởng (THCS: 02 người, TH: 01 người, MN: 01 người), 01 hiệu trưởng xuống làm nhà giáo.

- Đối với phó hiệu trưởng: ưu tiên bố trí giữ chức vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn hoặc bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của cơ sở giáo dục.

Cụ thể: 08 phó hiệu trưởng sắp xếp xuống làm tổ trưởng chuyên môn (THCS: 03 người, TH: 02 người, MN: 03 người)

- Số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định nếu có nguyện vọng nghỉ việc thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế: không có.

- Trường hợp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thôi giữ chức vụ hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn do thực hiện sắp xếp cơ sở 6 giáo dục thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025).

(2) Đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp

a) Bố trí vào vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục còn thiếu số lượng người làm việc theo định mức quy định. Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới thì giữ mã số, chức danh và hệ số lương đang được

hưởng. Khi đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới sau sắp xếp thì bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo vị trí việc làm đó hoặc bố trí bậc nghề nghiệp theo quy định. Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2026, nhân sự hỗ trợ giáo dục phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm mới; nếu không đáp ứng thì thực hiện chế độ thôi việc hoặc nghỉ hưu, tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cần thiết do cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

b) Không bố trí vào vị trí y tế trường học nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm.

c) Không bố trí vào vị trí việc làm kế toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm kế toán hoặc thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định.

d) Bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo nếu đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo và đạt yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng ngay vị trí việc làm nhà giáo.

đ) Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định tại điểm (a), điểm (b), điểm (c) và điểm (d) mục này thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Cụ thể:

- Số nhân viên hiện có 33 người, gồm: biên chế 28 (12 kế toán, 06 văn thư, 09 thư viện thiết bị, 01 y tế) và 05 hợp đồng theo Nghị định 111 (03 nhân viên y tế, 01 nhân viên tư vấn học sinh, 01 nhân viên kế toán).

- Sau sắp xếp cần có: 32 nhân viên (08 kế toán, 05 văn thư, 05 y tế, 09 thư viện thiết bị, 02 thủ quỹ, 02 giáo vụ, 02 nhân viên tư vấn học sinh); Giảm: 0.

(3) Hướng dẫn các trường tổ chức, thành lập các bộ máy cần thiết như: Hội đồng thi đua, khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; tổ giáo dục đặc thù và các tổ chức cần thiết khác (nếu có); lớp học sinh

(Có Phụ lục 02 phương án sắp xếp bố trí nhân sự kèm theo)

3.3. Về quy trình thực hiện

Các trường thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã (Mầm non, Tiểu học, THCS):

- Bước 1: UBND cấp xã xây dựng phương án, tiêu chí chi tiết, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã phê duyệt.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định bổ nhiệm, điều động theo đúng phân cấp quản lý. Phương án, kế hoạch phải bám sát, cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù của thành phố, bảo đảm nguyện vọng chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục; hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện bố trí, sắp xếp nhân sự, bảo đảm công bằng, khách quan; trường hợp địa phương có khó khăn, vướng mắc thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Bổ nhiệm trong trường hợp sắp xếp được thực hiện theo Nghị định 259/NĐ-CP: “Trường hợp chức vụ đang giữ tương đương hoặc cao hơn chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở đơn vị sự nghiệp mới thì cấp có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của viên chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm và không phải lập hồ sơ bổ nhiệm theo quy định; thời hạn giữ chức vụ tính theo quyết định bổ nhiệm mới”. (Theo khoản a, mục 1 Điều 33 Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026);

4. Phương án sắp xếp tài chính, tài sản, công nợ, các hợp đồng kinh tế, trang thiết bị hoạt động

Việc bố trí trụ sở, tài chính, tài sản, công nợ, các hợp đồng kinh tế, trang thiết bị hoạt động sau sắp xếp cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã được thực hiện theo hướng dẫn của cấp trên. UBND xã giao Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế, Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở giáo dục trực thuộc và các đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND phương án về bố trí trụ sở, tài chính, tài sản, công nợ, các hợp đồng kinh tế, trang thiết bị hoạt động, phân hiệu, điểm trường, lớp học, cơ sở vật chất phục vụ việc giảng dạy và học tập năm học 2026-2027 được thuận lợi.

(Có Phụ lục 01 phương án bố trí trụ sở, cơ sở vật chất kèm theo)

4.1. Nguyên tắc xử lý

Việc bàn giao tài chính, tài sản, công nợ, hợp đồng và hồ sơ phải được lập thành biên bản, có đối chiếu với sổ kế toán, chứng từ, Kho bạc Nhà nước và hồ sơ quản lý tài sản; các nội dung chưa đủ điều kiện xử lý dứt điểm phải được lập danh mục riêng, xác định rõ cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành.

Việc xử lý tài chính, tài sản, công nợ, các hợp đồng kinh tế, trang thiết bị và các nguồn lực của các cơ sở giáo dục trước và sau sắp xếp phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật; công khai, minh bạch, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; không để thất thoát, lãng phí, phát sinh tranh chấp hoặc làm gián đoạn hoạt động dạy và học. Việc sắp xếp được thực hiện theo nguyên tắc kế thừa quyền, nghĩa vụ hợp pháp của các đơn vị cũ, đồng

thời xác định rõ trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong việc kiểm kê, đối chiếu, bàn giao và tiếp nhận.

4.2. Xử lý dự toán, số dư, quyết toán và tài khoản

Đơn vị mới sau sắp xếp có trách nhiệm tiếp nhận dự toán, nguồn kinh phí và các nghĩa vụ tài chính được bàn giao; tổ chức quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và quy định về cơ chế tự chủ tài chính.

Phòng Kinh tế chủ trì hướng dẫn việc điều chỉnh, bàn giao và tiếp nhận dự toán, số dư kinh phí hợp pháp, nguồn kinh phí chuyển tiếp và các nghĩa vụ tài chính của đơn vị cũ sang đơn vị mới; phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện đối chiếu, xử lý tài khoản, chứng từ và các nội dung liên quan theo quy định. Không thực hiện đóng, tắt toán hoặc chuyển giao số dư khi chưa hoàn thành đối chiếu và xác nhận số liệu theo quy định.

Trước thời điểm các quyết định sắp xếp có hiệu lực, các trường thuộc diện tổ chức lại có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế thực hiện khóa sổ, đối chiếu số liệu thu - chi, số dư các nguồn kinh phí, dự toán được giao, số đã sử dụng, số còn lại, số tạm ứng, số cam kết chi, các khoản phải thu, phải trả và các nghĩa vụ tài chính khác; thực hiện quyết toán theo quy định.

4.3. Xử lý công nợ phải thu, phải trả và các nghĩa vụ tài chính

Đối với các khoản phải thu, đơn vị mới tiếp nhận quyền và trách nhiệm thu hồi theo hồ sơ bàn giao. Đối với các khoản công nợ có tranh chấp, thiếu hồ sơ hoặc chưa xác định rõ trách nhiệm thì lập danh mục riêng, báo cáo UBND xã để chỉ đạo xử lý.

Đối với các khoản phải trả có đầy đủ hồ sơ, chứng từ và đủ điều kiện thanh toán thì thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định trước khi bàn giao. Đối với khoản chưa đủ điều kiện thanh toán hoặc chưa thể xử lý dứt điểm thì lập biên bản xác nhận công nợ và bàn giao cho đơn vị mới tiếp tục xử lý, không làm mất quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên.

Các trường trước sắp xếp phải rà soát, lập danh mục đầy đủ các khoản phải thu, phải trả, tạm ứng, khoản còn phải thanh toán, khoản phải thu hồi, nghĩa vụ với nhà cung cấp và các nghĩa vụ tài chính khác; xác định căn cứ pháp lý, số tiền, thời hạn, đối tượng có liên quan và tình trạng xử lý của từng khoản.

4.4. Xử lý các hợp đồng kinh tế đang thực hiện

Việc chuyển giao hợp đồng phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, không làm phát sinh nghĩa vụ ngoài phạm vi được phê duyệt và không làm gián đoạn các dịch vụ thiết yếu phục vụ hoạt động giáo dục, nhất là cung ứng thực phẩm, điện, nước, vệ sinh, bảo vệ và các dịch vụ thiết yếu khác.

Đối với từng hợp đồng phải xác định: giá trị hợp đồng; thời hạn; khối lượng đã thực hiện; giá trị đã thanh toán; giá trị còn phải thanh toán; nghĩa vụ của các bên; tình trạng nghiệm thu, thanh lý và phương án xử lý. Trên cơ sở đó, xác định một trong các phương án: tiếp tục thực hiện và chuyển giao cho đơn vị mới; ký phụ lục điều chỉnh chủ thể thực hiện; thanh lý/chấm dứt hợp đồng theo quy định; hoặc ký hợp đồng mới.

Các trường trước sắp xếp phải rà soát toàn bộ hợp đồng còn hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn: hợp đồng cung ứng thực phẩm, vật tư, văn phòng phẩm, điện, nước, internet, vệ sinh, bảo vệ, sửa chữa, bảo trì, phần mềm, dịch vụ và các hợp đồng khác.

4.5. Kiểm kê, bàn giao và xử lý tài sản công, trang thiết bị

Các trường thành lập Tổ kiểm kê, tổ chức kiểm kê toàn bộ tài sản thuộc phạm vi quản lý, sử dụng; thực hiện kiểm kê, phân loại và xác định đầy đủ hiện trạng tài sản

Việc kiểm kê phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, phản ánh các thông tin về danh mục, số lượng, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2025, mã tài sản, tình trạng tài sản và đơn vị, cá nhân đang quản lý, sử dụng.

Đồng thời, các trường phải đối chiếu giữa sổ kế toán, phần mềm quản lý tài sản công và hiện trạng thực tế; xác định, báo cáo rõ nguyên nhân và đề xuất xử lý đối với tài sản thừa, thiếu, hư hỏng, mất mát hoặc không còn nhu cầu sử dụng.

Nội dung kiểm kê phải bao gồm:

- Nhà, đất, trụ sở làm việc;
- Phòng học, phòng chức năng, các công trình phụ trợ;
- Bàn ghế, thiết bị dạy học;
- Máy tính, máy in, thiết bị văn phòng;
- Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ dạy học;
- Phương tiện, máy móc, thiết bị khác;
- Tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước;
- Tài sản hình thành từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn hợp pháp khác;
- Tài sản nhận giữ hộ, tài sản mượn, tài sản thuê của tổ chức, cá nhân khác.

Đối với tài sản thừa, thiếu qua kiểm kê phải xác định rõ nguyên nhân và thực hiện xử lý theo quy định.

Tuyệt đối không được tự ý phân tán, nhượng, bán, thanh lý, di chuyển hoặc xử lý tài sản công dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Không được lợi dụng việc sắp xếp để làm thất thoát tài sản, lạm chi hoặc chi ngoài dự toán được giao.

Việc bàn giao tài sản phải lập biên bản giữa đơn vị bàn giao và đơn vị tiếp nhận, kèm danh mục chi tiết; đồng thời cập nhật sổ kế toán, hồ sơ quản lý tài sản và các cơ sở dữ liệu quản lý tài sản theo quy định. Tài sản dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn giá trị phải được xử lý theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, không tự ý thanh lý, chuyển nhượng hoặc loại bỏ.

Tài sản sau kiểm kê được phân loại:

- (1) Tiếp tục sử dụng tại trường mới;
- (2) Điều chuyển giữa các điểm trường hoặc đơn vị;
- (3) Cần sửa chữa, nâng cấp;
- (4) Dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng;
- (5) Hư hỏng, không còn giá trị sử dụng;
- (6) Tài sản còn thiếu hồ sơ hoặc có chênh lệch cần xác minh.

Các trường trước sắp xếp tổ chức kiểm kê toàn bộ tài sản công, trang thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ và tài sản khác đang quản lý, sử dụng; đối chiếu với sổ kế toán, hồ sơ tài sản và hồ sơ pháp lý. Việc kiểm kê phải xác định rõ số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, nguồn hình thành, tình trạng sử dụng và hồ sơ kèm theo.

4.6. Xử lý đất đai, trụ sở, điểm trường và tài sản gắn liền với đất

Đối với các cơ sở, điểm trường tiếp tục sử dụng, thực hiện cập nhật hồ sơ quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định. Đối với cơ sở không còn nhu cầu sử dụng, phải lập phương án xử lý riêng, bảo đảm phù hợp quy hoạch, tránh bỏ hoang, lãng phí và thực hiện đúng quy định về đất đai, tài sản công.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và các trường rà soát diện tích đất, hiện trạng sử dụng, hồ sơ pháp lý về đất, nhà, công trình và tài sản gắn liền với đất của từng cơ sở; xác định rõ cơ sở tiếp tục sử dụng, cơ sở cần điều chuyển, sửa chữa, đầu tư bổ sung hoặc không còn nhu cầu sử dụng.

4.7. Xác định cơ chế và mức độ tự chủ tài chính sau sắp xếp

Cơ chế tự chủ tài chính của trường thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025, có hiệu lực từ ngày 07/7/2025. Căn cứ đặc điểm hoạt động của trường công lập, nguồn thu chủ yếu là kinh phí ngân sách nhà nước cấp và các khoản thu dịch vụ giáo dục được thực hiện theo chính sách, mức thu do cơ quan có thẩm quyền quy định, trường sau sắp xếp dự kiến áp dụng cơ chế tự chủ tài chính thuộc Nhóm 4: đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Việc xác định trường thuộc Nhóm 4 là phù hợp trong giai đoạn đầu sau sáp nhập vì:

Trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông theo chương trình, kế hoạch của Nhà nước;

Nguồn thu sự nghiệp của trường không ổn định và không đủ để bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên;

Các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục chịu sự điều tiết, miễn, giảm hoặc hỗ trợ theo chính sách của Nhà nước;

Chi phí tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và phần lớn chi phí hoạt động của trường vẫn do ngân sách nhà nước bảo đảm;

Sau sáp nhập, trường cần có thời gian để ổn định tổ chức, rà soát tài sản, bố trí nhân sự, thống nhất quy chế chi tiêu nội bộ và hoàn thiện phương án tài chính.

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên dự kiến của trường: dưới 10%, hoặc được xác định chính thức trên cơ sở số liệu thu, chi thực tế và dự toán năm đầu của trường sau sắp xếp

Đề án và hồ sơ triển khai sau sắp xếp phải lập bảng đối chiếu mức độ tự chủ của các trường trước sắp xếp và dự kiến của đơn vị sau sắp xếp, trong đó làm rõ: tổng nguồn thu; nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu sự nghiệp; tổng nhu cầu chi thường xuyên; khả năng tự bảo đảm chi thường xuyên; tỷ lệ tự bảo đảm và các yếu tố làm tăng hoặc giảm mức độ tự chủ.

Việc sắp xếp, tổ chức lại không mặc nhiên làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính của đơn vị. Mức độ tự chủ của từng trường sau sắp xếp phải được xác định trên cơ sở phương án tài chính, khả năng tự bảo đảm chi thường xuyên và các nguồn thu hợp pháp của đơn vị, phù hợp với quyết định giao quyền tự chủ và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên cơ sở quy mô trường, số lớp, số học sinh, đội ngũ, nhiệm vụ được giao, nguồn thu sự nghiệp, nhu cầu chi thường xuyên và khả năng tạo nguồn của từng trường, Phòng Kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định mức độ tự chủ tài chính của từng trường sau sắp xếp theo quy định hiện hành.

4.8. Nguồn kinh phí và hiệu quả tài chính của việc sắp xếp

a. Về kiểm kê, bàn giao tài chính, ngân sách

- Kiểm kê tài chính: Thực hiện rà soát toàn bộ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao, nguồn thu sự nghiệp, tài khoản tiền gửi, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi và các nguồn quỹ hợp pháp khác đến thời điểm bàn giao.

+ Rà soát hoàn thiện toàn bộ sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ, tài liệu kế toán; rà soát đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả; kiểm kê thực tế tài sản, vật tư, tiền mặt của cơ quan và các loại quỹ khác đến thời điểm bàn giao.

+ Kết quả kiểm kê phải được lập thành biên bản theo quy định, có xác nhận của các bên và đối tượng liên quan, bảo đảm chặt chẽ an toàn, chính xác trên cơ sở kết quả đối chiếu số liệu với sổ kế toán, thống kê. Mọi khoản chênh lệch (nếu có) đều phải xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của cá nhân, tập thể liên quan.

- Giải quyết dứt điểm các kiến nghị, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán về tài chính (nếu có).

- Lập bảng đối chiếu dự toán thu, chi ngân sách, số dư tài khoản dự toán, số dư tài khoản tiền gửi, bảng đối chiếu tình hình thanh toán tạm ứng kinh phí ngân sách nhà nước (nếu có) của đơn vị bàn giao đến trước **ngày 18/8/2026**, có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm cơ sở bàn giao tiếp tục thực hiện sau sắp xếp.

b. Về đối chiếu dự toán và các tài khoản tại Kho bạc Nhà nước

Các đơn vị bàn giao thực hiện lập:

- Bảng đối chiếu dự toán thu, chi ngân sách;
- Bảng xác định số dư tài khoản dự toán;
- Bảng xác định số dư tài khoản tiền gửi;
- Bảng đối chiếu tình hình thanh toán tạm ứng kinh phí ngân sách nhà nước (nếu có).

Các nội dung trên phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch, làm cơ sở để tiếp tục quản lý, sử dụng sau khi thực hiện sắp xếp.

c. Về hồ sơ, chứng từ bàn giao

Các trường chuẩn bị đầy đủ hồ sơ phục vụ bàn giao, gồm:

- Hồ sơ, sổ sách kế toán;
- Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan;
- Hồ sơ dự toán ngân sách năm 2026;
- Hồ sơ thu, chi và các nguồn kinh phí;
- Hồ sơ công nợ phải thu, phải trả;
- Hồ sơ, chứng từ về tài sản;
- Sổ theo dõi tài sản;
- Hồ sơ nhà, đất, cơ sở vật chất;
- Hồ sơ mua sắm, sửa chữa, đầu tư tài sản;
- Hồ sơ, chứng từ liên quan khác.

Hồ sơ bàn giao phải được phân loại, sắp xếp khoa học, lập danh mục và bàn giao đầy đủ, tránh thất lạc, thiếu hồ sơ.

Phòng Kinh tế chủ trì tổng hợp, đánh giá hiệu quả tài chính sau sắp xếp, trong đó làm rõ các khoản chi phí phát sinh một lần để thực hiện sắp xếp và các khoản tiết kiệm

thường xuyên dự kiến do giảm đầu mối, giảm chi phí quản lý, sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực; bảo đảm việc đánh giá hiệu quả có căn cứ, tránh chỉ đánh giá định tính.

Kinh phí thực hiện sắp xếp được bảo đảm từ dự toán ngân sách được giao, các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị và các nguồn khác theo quy định, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và quyết định của cấp có thẩm quyền. Các khoản chi phục vụ việc sắp xếp như kiểm kê, bàn giao, di chuyển tài sản, điều chỉnh hồ sơ, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, biển hiệu, con dấu, phần mềm và các chi phí chuyên tiếp khác phải được lập dự toán, xác định nguồn và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

4.9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thời hạn hoàn thành kiểm kê, đối chiếu và lập biên bản bàn giao thực hiện theo lộ trình chung của Đề án và quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền; các nội dung chưa hoàn thành phải có danh mục, thời hạn và cá nhân chịu trách nhiệm xử lý, báo cáo UBND xã.

Hiệu trưởng các trường sau sắp xếp chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng và hạch toán các nguồn lực được bàn giao; hoàn thiện hồ sơ, sổ sách, quy chế quản lý tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Hiệu trưởng các trường trước sắp xếp chịu trách nhiệm tổ chức kiểm kê, đối chiếu, lập hồ sơ và bàn giao đầy đủ tài chính, tài sản, công nợ, hợp đồng, hồ sơ đất đai và các tài liệu có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu bàn giao.

Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp tổng hợp nhu cầu hoạt động giáo dục, đội ngũ, quy mô trường lớp và các điều kiện bảo đảm để làm căn cứ xây dựng phương án tài chính và cơ chế tự chủ của các trường sau sắp xếp.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát đất đai, nhà, công trình và tài sản gắn liền với đất; phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và xử lý cơ sở nhà, đất sau sắp xếp theo quy định.

Phòng Kinh tế chủ trì hướng dẫn và tổng hợp phương án xử lý tài chính, ngân sách, công nợ, hợp đồng và cơ chế tự chủ tài chính; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND xã quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

5. Lộ trình, thời gian thực hiện

5.1. UBND xã báo cáo Thường trực Đảng ủy xã thống nhất chủ trương về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn.

** Thời gian thực hiện:* Hoàn thành xong **trước ngày 10/8/2026.**

5.2. Rà soát, xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND xã.

** Thời gian thực hiện:* Hoàn thành xong **trước ngày 12/8/2026.**

5.3. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy xin ý kiến về dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn.

** Thời gian thực hiện:* Hoàn thành xong **trước ngày 15/8/2026.**

5.4. Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã, đại diện các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã đối với dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

** Thời gian thực hiện:* **Từ ngày 10/8/2026 đến ngày 12/8/2026.**

5.5. Hoàn thành và gửi Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo trước **ngày 15/8/2026;**

Ban hành quyết định sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập, bố trí nhân sự lãnh đạo quản lý trường học thuộc thẩm quyền quản lý hoàn thành xong **trước ngày 20/8/2026;**

Gửi báo cáo và các biểu mẫu tổng hợp kết quả sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 20/8/2026.**

Rà soát, phê duyệt danh mục vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế hằng năm đối với các trường hợp dôi dư bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hoàn thành **trước ngày 30/9/2026.**

Phần thứ ba

THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC SAU KHI SẮP XẾP

I. Tên cơ sở giáo dục; địa chỉ trụ sở chính; tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường; ...

1. TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Cẩm Phúc

Lí do đặt tên: Trường Mầm non Cẩm Phúc đặt làm trụ sở trường chính, có quy hoạch và được Đảng ủy lựa chọn xây dựng mô hình trường học xã hội chủ nghĩa giai đoạn 2026-2030. Trường có bề dày thành tích 6 năm liên tục đạt tập thể Lao động Xuất sắc, được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua Xuất sắc.

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền

- Tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường

+ Phân hiệu: Thôn Hoàng Hòa, xã Mao Điền

+ Điểm trường: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền

1.2. Chức năng, nhiệm vụ; loại hình; cơ quan quản lý trực tiếp

- Chức năng, nhiệm vụ

Trường Mầm non Cẩm Phúc là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Trường có chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về các vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non.

Trường Mầm non Cẩm Phúc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường Mầm non Cẩm Phúc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

- Loại hình: Trường đa cơ sở.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mao Điền

1.3. Quy mô dự kiến: số lớp, số học sinh theo từng năm học.

+ Quy mô hiện tại: 35 lớp/994 học sinh.

+ Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 998 học sinh.

- Cụ thể tại các cơ sở:

+ Cơ sở Cẩm Phúc: 22 lớp, 624 học sinh.

+ Cơ sở Cẩm Điền: 13 lớp, 370 học sinh.

1.4. Cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự lãnh đạo, quản lý.

- Sau sắp xếp cần có 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng); Giảm 03 phó hiệu trưởng bố trí làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và nhà giáo;

* Về nhân viên dùng chung:

- Sau sắp xếp cần có: 02 (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư); Giảm 0.

1.5. Điều kiện bảo đảm hoạt động: cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ; chương trình, tài liệu; nguồn kinh phí: trên cơ sở thực tế hiện có sắp xếp lại và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

2. TRƯỜNG TIỂU HỌC

2.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Cẩm Phúc

Lí do đặt tên: Trường Tiểu học Cẩm Phúc đặt là trụ sở trường chính, có quy hoạch mở rộng diện tích và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II. Trường có bề dày thành tích nhiều năm liên tục đạt tập thể Lao động Xuất sắc, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền
- Tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường
- + Phân hiệu: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền

2.1.1 Chức năng, nhiệm vụ; loại hình; cơ quan quản lý trực tiếp

- Chức năng, nhiệm vụ

Trường Tiểu học Cẩm Phúc là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Trường có chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về các vấn đề liên quan đến giáo dục Tiểu học.

Trường Tiểu học Cẩm Phúc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Thực hiện Chương trình giáo dục theo Chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường Tiểu học Cẩm Phúc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Loại hình: Trường đa cơ sở.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mao Điền

2.1.2. Quy mô dự kiến: số lớp, số học sinh theo từng năm học.

- + Quy mô hiện tại: 46 lớp/1498 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1514 học sinh.
- Cụ thể tại các Trường chính, phân hiệu:
- + Trường chính thôn Cẩm Phúc: 28 lớp, 950 học sinh.
- + Phân hiệu thôn Mậu Tài: 18 lớp, 548 học sinh.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự lãnh đạo, quản lý.

- * Về nhân sự CBQL:

- Sau sắp xếp cần có 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng); Giảm 01 hiệu trưởng bố trí làm nhà giáo;

- * Về nhân viên dùng chung:

- Sau sắp xếp cần có: 05 (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên tư vấn học sinh, 02 nhân viên thư viện, thiết bị); 02 nhân viên y tế học đường (hợp đồng) Giảm 0.

2.1.4. Điều kiện bảo đảm hoạt động: cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ; chương trình, tài liệu; nguồn kinh phí: trên cơ sở thực tế hiện có sắp xếp lại và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

2.2. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Tân Trường

Lí do đặt tên: Tiểu học Tân Trường I và Tiểu học Tân Trường II được tách ra từ Tiểu học Tân Trường từ năm 2002.

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Tràng Kỹ, xã Mao Điền
- Tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường
- + Phân hiệu: Thôn Quý Dương, xã Mao Điền
- + Điểm trường: Thôn Tân Trường, xã Mao Điền

2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ; loại hình; cơ quan quản lý trực tiếp

- Chức năng, nhiệm vụ

Trường Tiểu học Tân Trường là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Trường có chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về các vấn đề liên quan đến giáo dục Tiểu học.

Trường Tiểu học Tân Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Thực hiện Chương trình giáo dục theo Chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường Tiểu học Tân Trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Loại hình: Trường đa cơ sở.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mao Điền

2.2.2. Quy mô dự kiến: số lớp, số học sinh theo từng năm học.

- + Quy mô hiện tại: 47 lớp /1470 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1468 học sinh.
- Cụ thể tại các cơ sở:
- + Trường chính, thôn Tràng Kỹ: 20 lớp, 702 học sinh.
- + Phân hiệu, thôn Quý Dương: 15 lớp, 426 học sinh.
- + Điểm trường, thôn Tân trường: 12 lớp, 342 học sinh

2.2.3. Cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự lãnh đạo, quản lý.

- * Về nhân sự CBQL:

- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng); Giảm 02 phó hiệu trưởng bố trí làm tổ trưởng chuyên môn và nhà giáo;

- * Về nhân viên dùng chung:

- Sau sắp xếp cần có: 07 nhân viên, biên chế 04 (01 kế toán, 01 văn thư, 01 y tế, 01 thư viện thiết bị) 03 hợp đồng (01 kế toán, 01 nhân viên tư vấn học sinh, 01 y tế); Giảm 0.

2.2.4. Điều kiện bảo đảm hoạt động: cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ; chương trình, tài liệu; nguồn kinh phí: trên cơ sở thực tế hiện có sắp xếp lại và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

3. TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Cẩm Điền

Lí do đặt tên: Trường THCS Cẩm Điền có quy hoạch mở rộng diện tích và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II. Trường có bề dày thành tích 2 năm liên tục đạt tập thể Lao động Xuất sắc, được UBND tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen.

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Cẩm Phúc, xã Mao Điền

- Tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường

+ Phân hiệu: Thôn Mậu Tài, xã Mao Điền

3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ; loại hình; cơ quan quản lý trực tiếp

- Chức năng, nhiệm vụ

Trường THCS Cẩm Phúc là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Trường có chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về các vấn đề liên quan đến giáo dục trung học cơ sở.

Trường THCS Cẩm Phúc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Thực hiện Chương trình giáo dục theo Chương trình giáo dục THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường THCS Cẩm Phúc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Loại hình: Trường đa cơ sở.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mao Điền

3.1.3. Quy mô dự kiến: số lớp, số học sinh theo từng năm học.

+ Quy mô hiện tại: 32 lớp /1294 học sinh.

+ Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1257 học sinh.

- Cụ thể tại các Trường chính, phân hiệu:

+ Trường chính thôn Cẩm Phúc: 20lớp, 820 học sinh.

+ Phân hiệu thôn Mậu Tài: 12 lớp, 474 học sinh.

3.1.4. Cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự lãnh đạo, quản lý.

* Về nhân sự CBQL:

- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng);
Giảm 01 phó Hiệu trưởng bố trí làm tổ trưởng chuyên môn;

* Về nhân viên dùng chung:

- Sau sắp xếp cần có: 06 nhân viên (01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư, 02 thư viện thiết bị, 01 nhân viên giáo vụ); Giảm 0.

3.1.5. Điều kiện bảo đảm hoạt động: cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ; chương trình, tài liệu; nguồn kinh phí: trên cơ sở thực tế hiện có sắp xếp lại và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

3.2. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Tân Trường.

Lí do đặt tên: Trường THCS Tân Trường là trụ sở trường chính, đã có quy hoạch mở rộng diện tích và các công trình xây dựng, Trường có bề dày thành tích với 60 năm xây dựng và trưởng thành. Trường đã đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Trụ sở trung tâm, trường chính: Thôn Tràng Kỹ, xã Mao Điền

- Tên và địa chỉ các phân hiệu, điểm trường

+ Phân hiệu: Thôn Đông Phong, xã Mao Điền

3.2.1. Chức năng, nhiệm vụ; loại hình; cơ quan quản lý trực tiếp

- Chức năng, nhiệm vụ

Trường THCS Tân Trường là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Trường có chức năng tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về các vấn đề liên quan đến giáo dục trung học cơ sở.

Trường THCS Tân Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã Mao Điền. Thực hiện Chương trình giáo dục theo Chương trình giáo dục THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường THCS Tân Trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Loại hình: Trường đa cơ sở.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mao Điền

3.2.2. Quy mô dự kiến: số lớp, số học sinh theo từng năm học.

- + Quy mô hiện tại: 45 lớp/1929 học sinh.
- + Số học sinh dự kiến (2026 - 2027): 1861 học sinh.
- Cụ thể tại các Trường chính, phân hiệu:
- + Trường chính, thôn Tràng Kỹ: 28 lớp, 1255 học sinh.
- + Phân hiệu, thôn Đông Phong: 17 lớp, 674 học sinh.

3.2.4. Cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự lãnh đạo, quản lý.

* Về nhân sự CBQL:

- Sau sắp xếp cần có: Cần 03 CBQL (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng); Giảm 02 phó hiệu trưởng xuống làm tổ trưởng chuyên môn và nhà giáo;

* Về nhân viên dùng chung:

- Sau sắp xếp cần có: 06 nhân viên (01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư, 02 thư viện thiết bị, 01 nhân viên giáo vụ); Giảm 0.

3.2.5. Điều kiện bảo đảm hoạt động: cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ; chương trình, tài liệu; nguồn kinh phí: trên cơ sở thực tế hiện có sắp xếp lại và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

(Có Phụ lục 03, Phụ lục 04 kèm theo thực trạng trước và sau sắp xếp)

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch thực hiện

1.1. UBND xã báo cáo Thường trực Đảng ủy xã thống nhất chủ trương về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn. Hoàn thành xong **trước ngày 11/8/2026.**

1.2. Rà soát, xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND xã. Hoàn thành xong **trước ngày 12/8/2026.**

1.3. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy xin ý kiến về dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn. Hoàn thành xong **trước ngày 15/8/2026.**

1.4. Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn, Sở/ngành: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã, đại diện các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã đối với dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Hoàn thành xong **trước ngày 14/8/2026.**

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến chỉ đạo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban chấp hành Đảng bộ xã và các Sở/ngành và các đơn vị liên quan. UBND xã hoàn thiện Đề án sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn;

Các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn quán triệt chủ trương của Trung ương, thành phố và Đảng ủy, UBND xã nội dung trọng tâm Đề án về sắp xếp cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, viên chức, người lao động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã. *Thời gian thực hiện: Từ ngày 12/8/2026 đến ngày 13/8/2026.*

1.5. Hoàn thành và gửi Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo trước **ngày 15/8/2026;**

Ban hành quyết định sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập, bố trí nhân sự lãnh đạo quản lý trường học thuộc thẩm quyền quản lý hoàn thành xong **trước ngày 20/8/2026;**

Gửi báo cáo và các biểu mẫu tổng hợp kết quả sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 20/8/2026.**

Rà soát, phê duyệt danh mục vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế hằng năm đối với các trường hợp dôi dư bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hoàn thành **trước ngày 30/9/2026.**

Rà soát toàn bộ cơ sở vật chất hiện có của các trường, phân hiệu khi thực hiện sắp xếp. Có phương án tập trung nguồn lực để xây dựng, thực hiện điều chỉnh công năng một số phòng làm việc dôi dư; cải tạo, sửa chữa, bổ sung các phòng học tại trường chính, phân hiệu để giảm sĩ số học sinh/lớp, tạo điều kiện tốt nhất cho các hoạt động giáo dục tại trường chính và các phân hiệu.

2. Trách nhiệm thực hiện Đề án của các cơ quan, đơn vị có liên quan: nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành và sản phẩm đầu ra đối với từng nhiệm vụ.

2.1. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Tham mưu UBND xã xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch. Căn cứ tình hình thực tiễn các trường, cấp học tại địa phương và văn bản hướng dẫn của cấp trên, tham mưu xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã Mao Điền; báo cáo UBND xã, trình BTV, Đảng ủy thông qua. Thời gian hoàn thành việc xây dựng dự thảo Đề án trước **ngày 12/8/2026.**

Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Trung ương, Thành phố tới ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên các trường, trao đổi cụ thể về mục đích, lộ trình thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nhằm mục tiêu tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị và chất lượng dạy và học. Thời gian thực hiện trong suốt quá trình sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

Tham mưu UBND xã phương án bố trí nhân sự khi thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo hướng dẫn của cấp trên.

Tham mưu UBND xã quyết định thành lập các đơn vị trường trên cơ sở đề án sắp xếp đã được thông qua; quyết định bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Thời gian hoàn thành trước ngày **20/8/2026**.

Tổng hợp, báo cáo UBND xã trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết hướng chế độ chính sách về tinh giản biên chế theo quy định. Rà soát, phê duyệt danh mục vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế hằng năm đối với các trường hợp dôi dư bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Tham mưu UBND xã báo cáo và các biểu mẫu tổng hợp kết quả sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày **20/8/2026**.

Hướng dẫn các trường sau khi sáp nhập xây dựng Đề án vị trí việc làm; thẩm định trình UBND xã phê duyệt và thông báo số người làm việc đảm bảo các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

2.2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết, tài sản tại các đơn vị.

- Chủ trì kiểm tra, thẩm định, cho ý kiến vào các văn bản liên quan đến việc sắp xếp bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, bảo đảm tiến độ triển khai việc sắp xếp.

2.3. Phòng Kinh tế xã

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu UBND xã dự toán, đề xuất, báo cáo Sở Tài chính, UBND thành phố theo quy định.

- Tham mưu UBND xã phân bổ kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí quy định pháp luật hiện hành.

- Chủ trì hướng dẫn các đơn vị xử lý tài chính, ngân sách, tài sản công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; hướng dẫn việc bố trí trụ sở làm việc các trường sau sắp xếp, bảo đảm không gây thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

Phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND xã bố trí sắp xếp lại trụ sở làm việc, phân hiệu, điểm trường của các trường sau sắp xếp bảo đảm liên thông, đồng bộ phù hợp, hoạt động hiệu quả.

Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị xử lý việc chuyển tiếp quản lý dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã (nếu có).

2.4. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

Rà soát quỹ đất quy hoạch trường học; các điều kiện cần thiết về quy hoạch để dự kiến mô hình trường học; các thông tin về quy hoạch trong quá trình thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục.

- Rà soát mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô dân số, phân bố dân cư, điều kiện địa lý phục vụ xây dựng đề án sắp xếp cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã.

- Phối hợp với phòng Kinh tế hướng dẫn việc bố trí trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, bảo đảm không gây thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

Chủ trì, phối hợp các trường và phòng Kinh tế kiểm kê, rà soát hiện trạng đất đai, nhà, công trình, phòng học, trang thiết bị, tài sản công, hồ sơ pháp lý về đất và tài sản gắn liền với đất của các cơ sở giáo dục dự kiến sắp xếp; xác định rõ tài sản tiếp tục sử dụng, tài sản cần điều chuyển, sửa chữa, đầu tư bổ sung.

Hướng dẫn các trường sau sắp xếp thực hiện đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

2.5. Công an xã

Phối hợp hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện việc quản lý, sử dụng, thu hồi hoặc đăng ký con dấu theo quyết định sắp xếp và quy định của pháp luật; chủ động phối hợp xử lý các vướng mắc liên quan đến con dấu, thông tin pháp lý của đơn vị. Hoàn thành các thủ tục cần thiết đồng bộ với thời điểm đơn vị mới đi vào hoạt động, **chậm nhất ngày 19/8/2026.**

2.6. Trạm Y tế xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn chuyên môn, bảo đảm việc sắp xếp tổ chức bộ máy không làm gián đoạn công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm tại các trường học.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu phương án bố trí nhân viên y tế trường học.

Chủ trì, tham mưu UBND xã thẩm định các tiêu chuẩn về vệ sinh học đường, phòng y tế tại các cơ sở giáo dục sau khi được sắp xếp, tổ chức lại nhằm bảo đảm quyền lợi cho học sinh.

2.7. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Tham mưu xây dựng kế hoạch, tăng cường thời lượng, đa dạng các hình thức tuyên truyền chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND xã để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và Nhân dân trên địa bàn xã biết, tạo sự thống nhất và đồng thuận.

2.8. Các thôn trên địa bàn

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và các nhà trường tuyên truyền, vận động Nhân dân, cha mẹ học sinh đồng thuận với chủ trương sắp xếp các cơ sở giáo dục.
- Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, hỗ trợ công tác bàn giao, tiếp nhận cơ sở vật chất khi có yêu cầu.
- Phản ánh kịp thời những khó khăn, kiến nghị của Nhân dân trong quá trình triển khai để Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2.9. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trực thuộc UBND xã

- Lập báo cáo tự đánh giá về quy mô lớp học, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục và cung cấp thông tin kịp thời cho phòng Văn hóa - Xã hội trong quá trình xây dựng Đề án.
- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và người dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã.
- Duy trì và bảo đảm chất lượng giáo dục, xây dựng phương án hỗ trợ để không gián đoạn hoạt động giáo dục của học sinh và người học.
- Phối hợp thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất, nhân sự khi sắp xếp, tổ chức lại, giải thể theo đúng quy định của pháp luật.

2.10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Chủ trì, phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận cao trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục trên địa bàn.
- Tham gia giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện Đề án; kịp thời nắm bắt, tổng hợp và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến Ủy ban nhân dân xã để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- Tích cực phối hợp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; đẩy mạnh công tác vận động xã hội hóa giáo dục và huy động các nguồn lực hợp pháp nhằm góp phần đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường học trên địa bàn mới.

2.11. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ, BCH Đảng bộ xã

- Tăng cường lãnh đạo chỉ đạo hệ thống chính trị thực hiện hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, đảm bảo đúng quy trình, thời gian, kịp thời nắm bắt, chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo đồng thuận đối với cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân dân, bảo đảm hoàn thành Đề án.

- Chỉ đạo thành lập các chi bộ đảng và kiện toàn đội ngũ lãnh đạo quản lý theo quy định và phù hợp điều kiện của xã để các hoạt động giáo dục sau sắp xếp được thực hiện đúng quy định.

Phần thứ năm

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về kinh tế.

Việc sáp nhập trường học mang lại hiệu quả kinh tế chủ yếu thông qua việc tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm chi phí vận hành và tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị. Việc sắp xếp các trường giúp giảm số lượng cán bộ quản lý, nhân viên, tăng biên chế giáo viên trực tiếp giảng dạy, đồng thời tận dụng tốt hơn các nguồn lực hiện có để nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả hoạt động của trường mới. Việc sáp nhập các trường học có quy mô nhỏ trong cùng địa bàn góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mỗi quản lý, bớt chi ngân sách; tăng hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị; tránh việc đầu tư, tu sửa cơ sở vật chất một cách dàn trải trong điều kiện ngân sách còn nhiều khó khăn.

Sau khi sáp nhập, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bố trí, sắp xếp phù hợp với vị trí việc làm, quy mô trường, lớp và số lượng học sinh, tạo điều kiện phát huy năng lực chuyên môn của đội ngũ, hạn chế tình trạng thiếu hoặc thừa cục bộ giữa các đơn vị. Việc sử dụng đội ngũ hợp lý sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng quản lý và chất lượng giáo dục, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển và sử dụng cán bộ trong những năm tiếp theo.

Đề án cũng tạo điều kiện quản lý tập trung, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tài sản công và quỹ đất hiện có của các trường sau sáp nhập. Các phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị dạy học, hệ thống công nghệ

thông tin và các công trình phụ trợ được sử dụng đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp hoặc lãng phí nguồn lực. Đồng thời, nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được sử dụng hiệu quả hơn, tập trung cho việc sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

Sáp nhập giúp giảm số lượng lãnh đạo và nhân viên, từ đó tiết kiệm đáng kể chi phí lương, phụ cấp và các khoản đóng góp khác.

Các trường sau khi sáp nhập có thể tận dụng chung cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy hiện có, tránh tình trạng thừa hoặc thiếu phòng học, đồ dùng dạy học ở các trường cũ.

Về lâu dài, việc giảm đầu mối quản lý và tăng quy mô các trường sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lập kế hoạch đầu tư công, huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục và triển khai các chương trình, dự án của ngành Giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công và sử dụng bền vững nguồn lực của Nhà nước.

2. Về xã hội, môi trường.

Việc sắp xếp, sáp nhập các trường học bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em và các quyền, lợi ích hợp pháp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Học sinh tiếp tục được học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn, bảo đảm sự ổn định trong quá trình học tập và sinh hoạt; phụ huynh học sinh cơ bản không bị ảnh hưởng lớn về khoảng cách đưa đón con em đến trường.

Sau sáp nhập, các trường có quy mô phù hợp hơn, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động chuyên môn theo hướng tập trung, đồng bộ và hiệu quả. Đội ngũ giáo viên có điều kiện trao đổi chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học.

Công tác quản trị nhà trường được đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đối với bậc học mầm non.

Đề án cũng góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục của Trung ương và thành phố Hải Phòng theo hướng tinh gọn, hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch của địa phương.

Qua đó, tạo sự đồng bộ trong quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục công lập, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Về môi trường, việc tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất hiện có sẽ góp phần sử dụng tiết kiệm đất đai, tài sản công và các nguồn tài nguyên; hạn chế đầu tư mới không cần thiết, giảm phát sinh chất thải xây dựng và tránh lãng phí ngân sách nhà nước. Hạn chế việc xây dựng, mở rộng trường nhỏ lẻ gây phân tán tài nguyên; tận dụng hạ tầng hiện hữu, giảm lượng vật liệu xây dựng, rác thải và tiếng ồn từ công trình mới. Đồng thời, các trường sau sáp nhập có điều kiện đầu tư đồng bộ hệ thống cây xanh, cảnh quan, khuôn viên, công trình vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thu gom rác thải và các điều kiện bảo đảm vệ sinh môi trường, góp phần xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc sắp xếp, sáp nhập các trường học còn góp phần tạo sự đồng thuận trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và Nhân dân; nâng cao niềm tin đối với chủ trương đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước, tạo nền tảng để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã Mao Điền trong những năm tiếp theo.

Tăng cường điều kiện học tập thân thiện, xanh - sạch - đẹp: Việc sáp nhập gắn liền với nâng cấp cơ sở vật chất, trồng cây xanh, cải thiện cảnh quan, hệ thống xử lý nước thải, rác thải, góp phần tạo môi trường học đường an toàn, bền vững.

Cơ sở vật chất được sử dụng hiệu quả, cảnh quan môi trường giáo dục được cải thiện, từng bước xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

3. Tính bền vững của đề án.

Đề án được xây dựng dựa trên các nghị quyết và quyết định của Trung ương và thành phố Hải Phòng, nhằm mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; việc sáp nhập các đơn vị giúp thống nhất đầu mối quản lý, nâng cao vai trò điều phối, giám sát chuyên môn, cơ cấu tổ chức khoa học, đội ngũ nhân sự mạnh hơn, tạo nền tảng vững chắc để phát triển lâu dài.

Đề án sáp nhập được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương, đáp ứng chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau sáp nhập được bố trí hợp lý, bảo đảm quyền lợi, phát huy năng lực, tạo sự ổn định và đoàn kết nội bộ.

Cơ sở vật chất được đầu tư, khai thác và sử dụng đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, chăm sóc, giáo dục trẻ một cách bền vững, lâu dài.

Đề án có tính khả thi cao, bảo đảm hiệu quả về kinh tế, xã hội, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển giáo dục của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

Đề án xây dựng thực hiện sắp xếp đối với 10/13 trường (02 trường Mầm non, 04 trường Tiểu học, 04 trường THCS); sau sắp xếp giảm 05 trường (01 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học, 02 trường THCS) còn lại 08 trường, đã đảm bảo chỉ tiêu, số lượng theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND thành phố về sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trên đây là Đề án sắp xếp các trường công lập thuộc quản lý của UBND xã Mao Điền. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng mới của Trung ương, Thành ủy về phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố; UBND xã đề xuất báo cáo UBND Thành phố điều chỉnh, bổ sung phương án sắp xếp theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hải Phòng;
- Sở Nội vụ Hải Phòng;
- Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;
- Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân,
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các Phòng, ban, ĐVNS thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Kiều